

Số: **1220** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; số 03/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 238/HĐND-VHXXH ngày 01/11/2023 và xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3401/SLĐTBXH-BTXH&GN ngày 05/10/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4553/STC-NS ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 tại phụ lục 02 và phụ lục 03 Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung kinh phí nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao tại Điều 1, chịu trách nhiệm giao dự toán chi tiết cho các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai **trước ngày 15/11/2023** và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Bố trí vốn đối ứng ngân sách cấp huyện tối thiểu 5% theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh*) chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để chỉ đạo.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh: Dân tộc, VHXX, KTNS;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu VT, KGVX_{VHTin604}.



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 01
Điều chỉnh, bổ sung kinh phí sinh nghiệp thực hiện Dự án 2 thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 24220/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Kinh phí phân bổ tại Phụ lục 02 Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh						Kinh phí sau khi điều chỉnh						Tăng, giảm so với Quyết định số 193/QĐ-UBND	
		Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực				Trong đó		Chi tiết theo từng lĩnh vực					
		Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Đổi ứng ngân sách tỉnh	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin		Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
	Tổng cộng	50.254	45.375	4.879				50.254	45.375	4.879					0
1	TP. Quảng Ngãi	2.001	1.819	182				2.001	2.370	230					369
2	Huyện Lý Sơn	2.312	2.102	210				2.312	2.473	266					427
3	Huyện Bình Sơn	2.591	2.355	236				2.591	2.771	298					478
4	Huyện Sơn Tịnh	1.615	1.468	147				1.615	1.727	186					298
5	Huyện Tư Nghĩa	1.715	1.559	156				1.715	1.834	197					316
6	Huyện Nghĩa Hành	1.917	1.743	174				1.917	2.051	220					354
7	Huyện Mộ Đức	2.019	1.835	184				2.019	2.159	233					373
8	Thị xã Đức Phổ	2.019	1.835	184				2.019	2.159	233					373
9	Huyện Trà Bồng	10.596	9.633	963				10.596	11.332	1.218					1.954
10	Huyện Sơn Hà	3.230	2.936	294				3.230	3.454	372					596
11	Huyện Sơn Tây	7.736	7.033	703				7.736	8.274	888					1.426

TT	Tên dự án	Kính phí phân bổ tại Phụ lục 02 Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh										Kính phí sau khi điều chỉnh								
		Chi tiết theo từng lĩnh vực					Chi tiết theo từng lĩnh vực					Tăng, giảm so với Quyết định số 193/QĐ-UBND								
		Tổng kính phí	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách tỉnh	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Tổng kính phí	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách tỉnh		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế				
12	Huyện Minh Long	1.850	1.682	168							1.850	1.979	213						2.192	342
13	Huyện Ba Tơ	2.826	2.569	257							2.826	3.022	325						3.347	521
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.827	6.806	1.021							7.827	0	0	0					0	-7.827

Phụ lục 02

Điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp các đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 09 /11/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí phân bổ tại Phụ lục 03 Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh				Kinh phí sau khi điều chỉnh				
		Tổng kinh phí	Trong đó			Tổng kinh phí	Trong đó			Tăng, giảm so với Quyết định số 193/QĐ-UBND
			Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng kinh phí		Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh		
1	Thành phố Quảng Ngãi	5.863	5.330	533	6.232	5.651	581	369		
2	Huyện Lý Sơn	7.027	6.387	640	7.454	6.758	696	427		
3	Huyện Bình Sơn	7.485	6.804	681	7.963	7.220	743	478		
4	Huyện Sơn Tịnh	4.670	4.244	426	4.968	4.503	465	298		
5	Huyện Tư Nghĩa	5.145	4.677	468	5.461	4.952	509	316		
6	Huyện Nghĩa Hành	5.371	4.882	489	5.725	5.190	535	354		
7	Huyện Mộ Đức	5.878	5.343	535	6.251	5.667	584	373		
8	Thị xã Đức Phổ	5.878	5.343	535	6.251	5.667	584	373		
9	Huyện Trà Bồng	57.037	51.852	5.185	58.991	53.551	5.440	1.954		
10	Huyện Sơn Hà	8.960	8.146	814	9.556	8.664	892	596		
11	Huyện Sơn Tây	31.044	28.222	2.822	32.470	29.463	3.007	1.426		
12	Huyện Minh Long	5.358	4.871	487	5.700	5.168	532	342		
13	Huyện Ba Tơ	7.725	7.023	702	8.246	7.476	770	521		
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	18.778	16.329	2.449	10.951	9.523	1.428	-7.827		
Tổng cộng		176.219	159.453	16.766	176.219	159.453	16.766	0		

